

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2021/DS-ST**

Ngày: 02 - 12 - 2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Dung.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 265/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 408/TB-TA ngày 16/7/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 429/TB-TA ngày 19/8/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 445/TB-TA ngày 08/9/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 482/TB-TA ngày 16/10/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 571/TB-TA ngày 17/11/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty V.

Địa chỉ: phường 12, quận 4, thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nông Thị K**, sinh năm 1996. (Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020).

Địa chỉ: C35, đường D2, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Thu T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 703/16/10, tổ 1, khu phố 2, phường Tam Hiệp, thành phố B, tỉnh Đ.  
(Bà K, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, nguyên đơn Công ty V do bà Nông Thị K đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 31/12/2015, bà Đỗ Thị Thu T và Công ty V ký hợp đồng tín dụng số 20151231-500000-1319 vay số tiền 29.351.723 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.170.000 đồng, trong đó tiền gốc là 29.351.723 đồng và tiền lãi là 17.818.277 đồng. Thỏa thuận trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng: 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.748.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.722.000 đồng; bắt đầu từ ngày 07/02/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T đã thanh toán được 08 lần số tiền đã trả là 19.494.000, trong đó tiền gốc là 12.765.662 đồng và tiền lãi là 6.728.338 đồng. Từ ngày 26/02/2020, bà Đỗ Thị Thu T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty V đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng).

**- Tại bản tự khai ngày 15/11/2021 bị đơn bà Đỗ Thị Thu T trình bày :**

Ngày 31/12/2015, bà Đỗ Thị Thu T và Công ty V ký hợp đồng tín dụng số 20151231-500000-1319 vay số tiền 29.351.723 đồng.

Thỏa thuận trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng: 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.748.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.722.000 đồng.

Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng). Bà đồng ý với yêu cầu của Công ty V nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, bà đề nghị thanh toán tiền gốc, trả mỗi tháng 500.000 đồng; đề nghị không thanh toán lãi suất vì không có khả năng thanh toán.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:**

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty V chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Thu T không chấp hành đúng quy định pháp luật

tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, tư cách người đại diện theo ủy quyền của đương sự, về thu thập chứng cứ, về thủ tục phiên họp chứng cứ và hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T phải trả cho Công ty V số tiền 27.676.000 đồng nhận thấy:

Theo hồ sơ vụ án: Ngày 31/12/2015, bà Đỗ Thị Thu T và Công ty V ký hợp đồng tín dụng số 20151231-500000-1319 vay số tiền 29.351.723 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,75%/ tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.170.000 đồng, trong đó tiền gốc là 29.351.723 đồng và tiền lãi là 17.818.277 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T đã thanh toán được 08 lần số tiền đã trả là 19.494.000, trong đó tiền gốc là 12.765.662 đồng và tiền lãi là 6.728.338 đồng. Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng).

Từ những chứng cứ Công ty V cung cấp cho thấy việc bà Đỗ Thị Thu T có vay tiền như trình bày của Công ty V là có thật, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Ngân hàng đã cung cấp hợp đồng tín dụng có chữ ký của bà Đỗ Thị Thu T và bản sao kê tiến độ thanh toán của khách hàng. Vì vậy, yêu cầu của Công ty V là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Buộc bà Đỗ Thị Thu T phải trả cho Công ty V số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng).

Về án phí: Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11/11/2021 bà Nông Thị K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty V có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nông Thị K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn bà Đỗ Thị Thu T để làm việc, tham gia phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà Đỗ Thị Thu T vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15/11/2021 bà Đỗ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thu T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục ủy quyền: Ngày 31/12/2020 người đại diện theo ủy quyền của Công ty V có văn bản ủy quyền cho bà Nông Thị K là người đại diện cho Công ty V là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 31/12/2015, bà Đỗ Thị Thu T và Công ty V ký hợp đồng tín dụng số 20151231-500000-1319 vay số tiền 29.351.723 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.170.000 đồng, trong đó tiền gốc là 29.351.723 đồng và tiền lãi là 17.818.277 đồng. Thỏa thuận trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng: 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.748.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.722.000 đồng; bắt đầu từ ngày 07/02/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Thu T đã thanh toán được 08 lần số tiền đã trả là 19.494.000, trong đó tiền gốc là 12.765.662 đồng và tiền lãi là 6.728.338 đồng. Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng).

Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng).

Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T trình bày: Ngày 31/12/2015, bà Đỗ Thị Thu T và Công ty V ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 29.351.723 đồng. Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thu T trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 27.676.000 đồng; (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng; tiền lãi là 11.089.939 đồng). Bà đồng ý với yêu cầu của Công ty V nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, bà T đề nghị thanh toán tiền gốc, thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng; đề nghị không thanh toán lãi suất vì không có khả năng thanh toán.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ mà Công ty V cung cấp là hợp lệ và thể hiện bà Đỗ Thị Thu T đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Công ty V là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc bà Đỗ Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền 27.676.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám

mười sáu nghìn không trăm sáu mươi một đồng); tiền lãi là 11.089.939 đồng (Mười một triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi chín đồng)).

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu T phải chịu 1.383.800 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty V 692.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000547 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Đỗ Thị Thu T.

Buộc bà Đỗ Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền 27.676.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); (Trong đó tiền gốc là 16.586.061 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi một đồng); tiền lãi là 11.089.939 đồng (Mười một triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi chín đồng)).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu T phải chịu 1.383.800 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty V 692.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000547 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

Công ty V và bà Đỗ Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- THA dân sự thành phố B;
- Đường sự (2)
- Lưu (4)

**Trần Thị Kim Dung**